

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 7
Năm học 2023 - 2024
Thời gian làm bài: 90 phút

A. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong SGK Ngữ văn kì 1 để giải quyết các nhiệm vụ học tập.
- Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: các biện pháp tu từ, dùng cụm từ để mở rộng các thành phần câu, ngữ cảnh, số từ, phó từ, từ địa phương.
- Thực hành: Viết bài văn biểu cảm về con người.

b. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt: biết sử dụng hệ thống ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng cá nhân một cách tự tin trong từng bối cảnh và đối tượng; thể hiện được thái độ biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.
- Năng lực giải quyết vấn đề: thu thập và phân tích ngữ liệu, chọn phương án tối ưu và biện giải về sự chọn lựa.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, học, làm bài tập.
- Trách nhiệm: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học được giao.
- Trung thực: Tự giác và báo cáo trung thực việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân, đảm bảo mỗi sản phẩm học tập đều do bản thân hs thực hiện, không sao chép hay nhìn bài của bạn.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ	4	1*	4	2*	0	1	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			10	10	10	30	0	40	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		

Tỉ lệ chung	60%	40%	
-------------	-----	-----	--

C. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ

TT	Kỹ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Thơ	* Thơ Nhận biết: - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được số từ, phó từ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.	4TN 2TL*	4TN 3TL*	2TL*	
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ	Nhận biết: Thông hiểu:				1TL*

		về con người hoặc sự việc.	Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.				
Tổng				4 TN 2TL*	4TN 2TL*	2 TL*	1 TL*
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung (%)				60		40	

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI
ĐỀ 01

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 7
Năm học 2023 - 2024
Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

MẸ

Từ ngày con thơ bé
Đến bây giờ lớn khôn
Tiếng ru hời khe khẽ
Vẫn thấm đượm trong hồn

Qua những ngày nắng cháy
Chân mẹ đã khô cằn
Mùa lũ về nước chảy
Mẹ dãi dầu vai xương

Này dáng mẹ thon thon
Này bàn tay nhỏ nhắn
Ủa đâu rồi mẹ nhỉ?
Sao nhiều quá nếp nhăn?

Một đời mẹ trở trăn
Lo những ngày con ốm
Mẹ trăm bề thấp thỏm
Cho con giấc ngủ lành

Mẹ cắt bớt tuổi xanh
Bao nhiêu mẹ cũng đành
Người hạnh hao gầy guộc
Con biển biệt trời xa

Mẹ ơi tháng năm qua
Con bây giờ đã lớn
Mười mấy năm xa nhà
Nhớ mẹ! Lòng đau đón!

Con cứ hẹn xuân về
Sẽ thăm lại vườn quê
Mà bao mùa mai nở
Vẫn riêng mình thỏa thuê!

(Huỳnh Minh Nhật)

A. Trắc nghiệm (2 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Trong khổ thơ thứ tư tác giả sử dụng bao nhiêu số từ?

- A. Một. B. Hai. C. Ba. D. Bốn.

Câu 2. Trong bài thơ, tác giả chủ yếu sử dụng cách gieo vần nào?

- A. Vần chân. B. Vần lưng. C. Vần liền. D. Vần hỗn hợp.

Câu 3. Các từ “Hạnh hao gầy guộc” gợi lên hình ảnh người mẹ như thế nào?

- A. Thân hình gầy gò, xương xẩu C. Thân hình khô gầy, yếu ớt
B. Thân hình mảnh mai, mong manh D. Thân hình rất gầy, rất yếu

Câu 4. Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Thuyết minh D. Biểu cảm

Câu 5. Qua bài thơ tác giả chủ yếu dành cho mẹ tình cảm gì?

- A. Thương nhớ, biết ơn C. Ngưỡng mộ, ngợi ca
B. Yêu mến, ngưỡng mộ D. Kính trọng, ngưỡng mộ

Câu 6. Khổ thơ thứ 5 bộc lộ phẩm chất nào của người mẹ?

A. Mẹ kiên cường, dũng cảm

C. Mẹ cần cù, tiết kiệm

B. **Mẹ chịu đựng, hi sinh**

D. Mẹ nhẫn nhục, chịu đựng

Câu 7. Bài thơ có thể được xếp vào nhóm đề tài nào?

A. Tình cảm anh em

C. **Tình cảm mẹ con**

B. Tình cảm cha con

D. Tình cảm bà cháu

Câu 8. Qua bài thơ, thông điệp chủ yếu mà tác giả gửi đến người đọc là gì?

A. **Hãy yêu thương và biết ơn mẹ**

C. Hãy trân trọng tình cảm gia đình

B. Hãy thông cảm và thấu hiểu cho mẹ

D. Hãy ghi nhớ những lời mẹ ru

B. Tự luận (4 điểm)

Câu 1. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai dòng thơ sau:

“Này dáng mẹ thon thon

Này bàn tay nhỏ nhắn”

Câu 2. Qua đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn từ 5 – 7 câu nêu suy nghĩ của em về việc thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn đối với cha mẹ.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn biểu cảm về một người mà em yêu quý.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC HỌC KÌ I – ĐỀ 01

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	A. Trắc nghiệm (2 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm		
	1	2	3
	4	5	6
	7	8	
	B	D	C
	D	C	A
	B. Tự luận (4 điểm)		
	1	- Biện pháp tu từ: Điệp ngữ - Phép điệp giúp cho câu thơ thêm cân đối, nhịp nhàng, sinh động, hấp dẫn. - Đồng thời nhấn mạnh dáng hình của mẹ, từ đó thể hiện sự vất vả, hy sinh và tình yêu thương vô bờ bến mà mẹ dành cho những đứa con của mình.	2,0
	3	- Hình thức: Viết được 5 – 7 câu văn có đủ 3 phần mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn - Nội dung: Qua bài thơ, để thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn đối với mẹ, em cần: - Dành sự quan tâm, yêu thương trân trọng cha mẹ - Biết vâng lời cha mẹ, chăm ngoan học giỏi để mẹ vui lòng - Biết chia sẻ công việc với cha mẹ, chăm sóc phụng dưỡng mẹ lúc đau ốm, già yếu...	2,0
II	VIẾT		4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn biểu cảm</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.		0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết bài văn biểu cảm về con người		0,25
	<i>c. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.</i> HS viết bài văn biểu cảm về con người theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó. • Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em, • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người đó • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.		3,0
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.		0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.		0,25

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI
ĐỀ 02

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 7
Năm học 2023 - 2024
Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

MÙA XUÂN ƠI HÃY VỀ

Mùa xuân ơi hãy về!
Mang thêm nhiều nắng ấm
Cho khắp nẻo làng quê
Nở bừng nhiều hoa thắm

Cho em thêm tuổi mới
Được nhiều lộc đầu năm
Thêm áo quần mới nữa
Cùng anh đi hội xuân

Cho con ong làm mật
Cho con én tung trời
Cho dòng sông trong vắt
Êm đềm con thuyền trôi

Cho chim non vỗ cánh
Ríu rít khung trời thơ
Xua mùa đông giá lạnh
Mùa xuân ơi hãy về!

(Nguyễn Lâm Thắng)

A. Trắc nghiệm (2 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ gì?

- A. Thơ bốn chữ C. **Thơ năm chữ**
B. Thơ song thất lục bát D. Thơ lục bát

Câu 2. Nêu phương thức biểu đạt chính của bài thơ?

- A. Tự sự C. **Biểu cảm**
B. Thuyết minh D. Miêu tả

Câu 3. Từ “lộc” trong câu “Được nhiều lộc đầu năm” có nghĩa là

- A. **của trời hay các đấng thiêng liêng ban cho (theo quan niệm xưa).**
B. chồi non của cây.
C. may mắn đến liên tiếp.
D. những thuận lợi trong cuộc sống.

Câu 4. Từ nào trong câu thơ “Thêm áo quần mới nữa” là phó từ?

- A. Thêm B. Quần áo C. Mới D. **Nữa**

Câu 5. Dòng nào sau đây nêu chính xác các vần được gieo trong khổ thơ đầu?

Mùa xuân ơi hãy về!
Mang thêm nhiều nắng ấm
Cho khắp nẻo làng quê
Nở bừng nhiều hoa thắm

- A. Mùa – mang, nắng – thắm C. Hãy – mang, làng – hoa
B. **Về – quê, ấm – thắm** D. Hãy – thêm, khắp – nhiều

Câu 6. Những hình ảnh nào trong bài thơ nào khắc họa sinh động vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên khi đón nhận mùa xuân về?

- A. **Nắng ấm, ong làm mật, én tung trời, sông trong vắt, êm đềm con thuyền trôi, chim non vỗ cánh.**

- B. Nắng ấm, hoa thắm, ong làm mật, én tung trời, sông trong vắt, chim non vỗ cánh, em không thêm tuổi mới.
- C. Nắng ấm, hoa thắm, ong làm mật, én tung trời, sông trong vắt, êm đềm con thuyền trôi, chim non vỗ cánh, khung trời mơ.
- D. Hoa thắm, ong làm mật, én tung trời, sông trong vắt, êm đềm con thuyền trôi, chim non vỗ cánh.

Câu 7. Ở khổ thơ thứ ba của bài thơ, khi mùa xuân về, nhân vật “em” có những niềm vui gì?

- A. Thêm tuổi mới, được nhiều lộc, thêm quần áo mới, đi hội xuân.
- B. Thêm tuổi mới, được nhiều lộc, thêm quần áo mới, sum họp bên gia đình.
- C. Thêm tuổi mới, được nhiều lộc, thêm quần áo mới, đi chơi Tết cùng gia đình.
- D. Thêm tuổi mới, được nhiều lộc, thêm quần áo mới, đến thăm ông bà.

Câu 8. Hình ảnh nào sau đây được xem là biểu tượng cho mùa xuân?

- A. Hoa thắm B. Dòng sông C. Con én D. Chim non

B. Tự luận (4 điểm)

Câu 1. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong các câu thơ sau:

*“Cho con ong làm mật
Cho con én tung trời
Cho dòng sông trong vắt
Êm đềm con thuyền trôi”*

Câu 2: Em hãy viết khoảng 5 – 7 câu trình bày suy nghĩ về vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống của con người?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn biểu cảm về một người mà em yêu quý.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC HỌC KÌ I – ĐỀ 02

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	A. Trắc nghiệm (2 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm		
	1	2	3
	4	5	6
	7	8	
	C	C	A
	D	B	A
	B. Tự luận (4 điểm)		
	1	- Biện pháp tu từ: Điệp ngữ, liệt kê - Phép điệp ngữ giúp cho câu thơ thêm cân đối, nhịp nhàng, sinh động, hấp dẫn - Phép điệp ngữ nhằm nhấn mạnh vẻ đẹp của mùa xuân và những điều đẹp đẽ mà mùa xuân mang lại. Nhấn mạnh tác động của mùa xuân tới "con ong", "con én", "dòng sông", nhấn mạnh chủ đề mùa xuân đã mang lại sức sống cho vạn vật.	2,0
	2	- Hình thức: Viết được 5 – 7 câu văn có đủ 3 phần mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. - Nội dung: Nêu được vai trò của thiên nhiên với cuộc sống con người. + Là môi trường sống của con người. + Cung cấp các điều kiện sống về vật chất và tinh thần cho con người. => Ý thức của mỗi người với việc bảo vệ thiên nhiên.	2,0
II	VIẾT		4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn biểu cảm</i>	Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	Viết bài văn biểu cảm về con người	0,25
	<i>c. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.</i>	HS viết bài văn biểu cảm về con người theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó. • Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em, • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người đó • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.	3,0
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.</i>		0,25

Giáo viên

Tổ (nhóm) CM

BGH duyệt

Ngô Hương Quỳnh

Đinh thị Hiên

Đặng Thị Tuyết Nhung